



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Cơ điện lạnh

Ngày 31/03/2024	63,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.2%	14.9%	2.6%

DT thuần Q1/24
1,837
tỷ VNĐ
QoQ: ▼228 -11.0%
YoY: ▼532 -22.4%

LN thuần Q1/24
595
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.0 -12.7%
YoY: ▼550 -48.1%

LN sau thuế Q1/24
549
tỷ VNĐ
QoQ: ▼94.0 -14.6%
YoY: ▼506 -48.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
43.0%
YoY: +/-▼ 0.4%

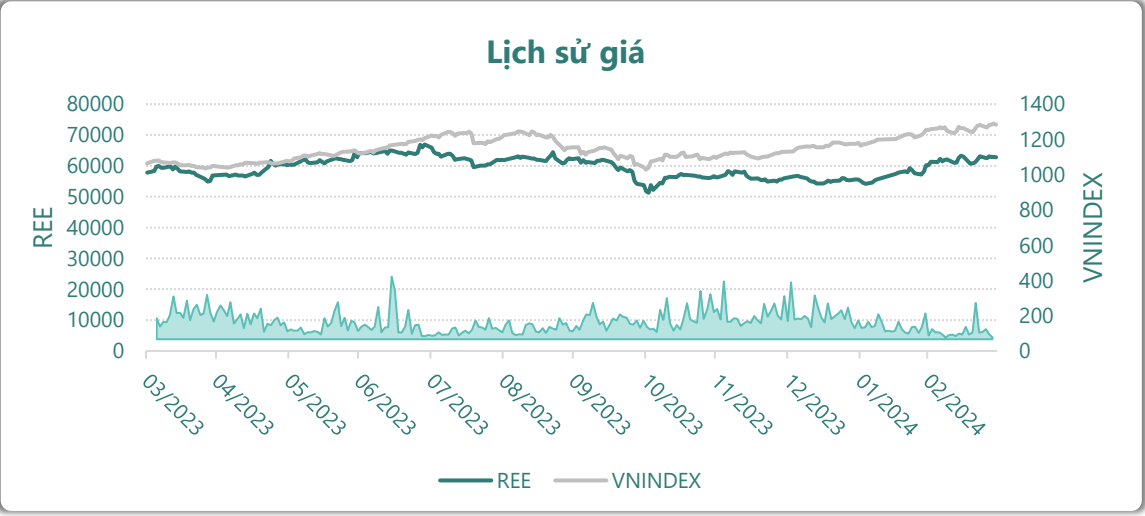
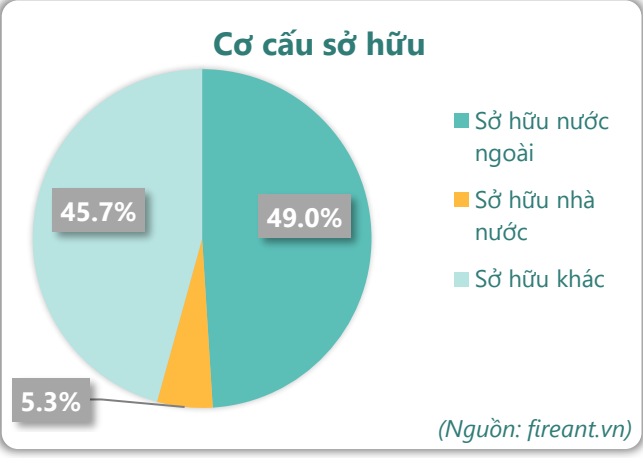
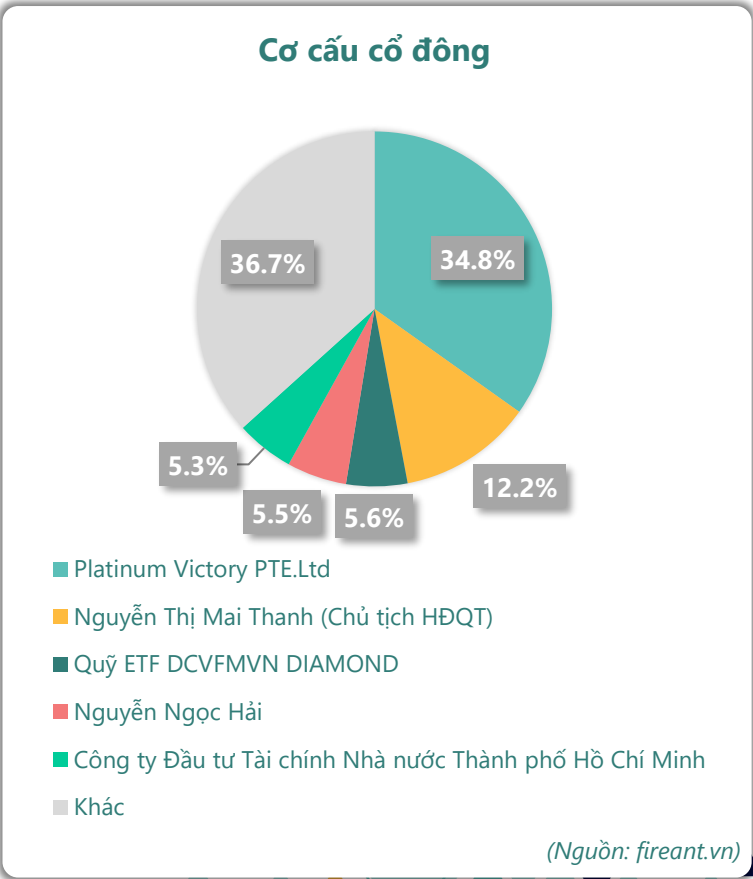
ROE (TTM) Q1/24
9.5%
YoY: +/-▼ 1.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	51,272 - 66,919
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26,075
Số lượng CPLH (CP)	408,706,345
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,120,333
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.87
EPS	4,706
P/E	13.6

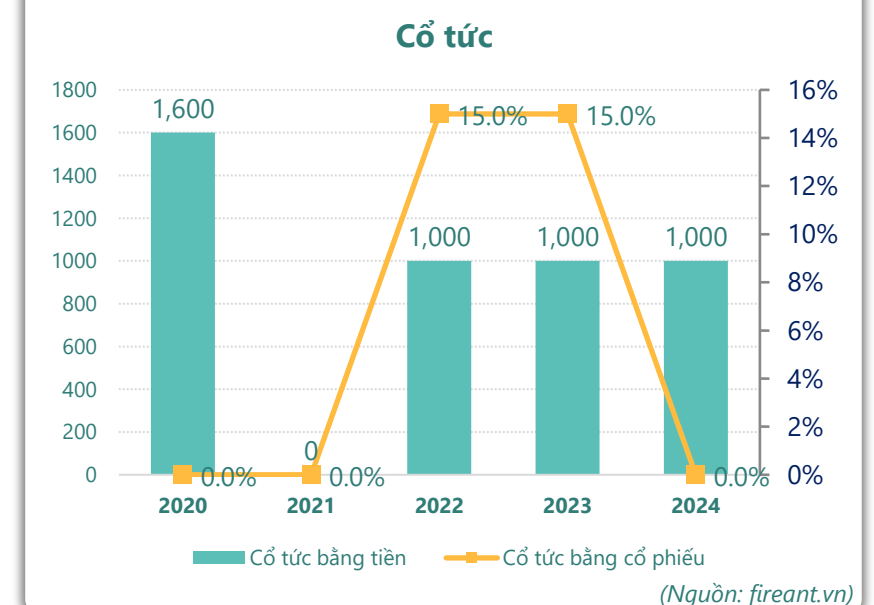
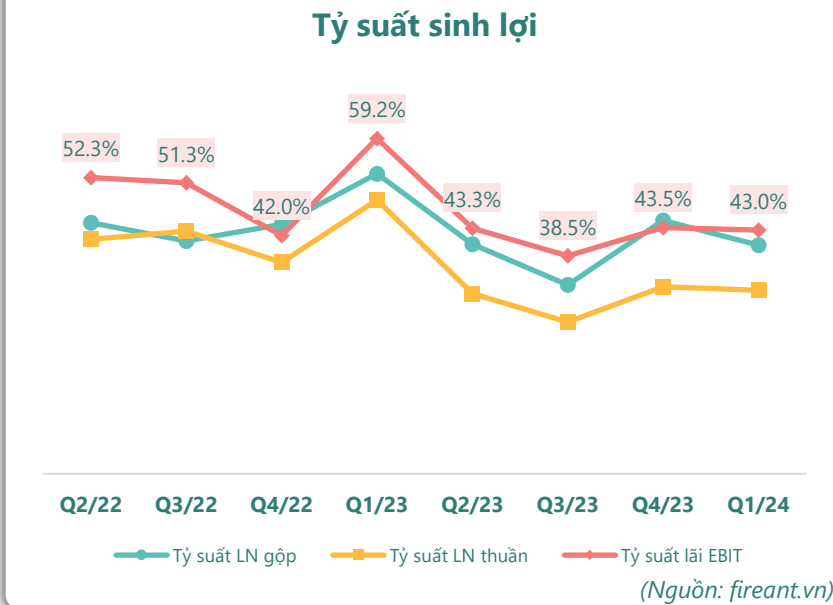
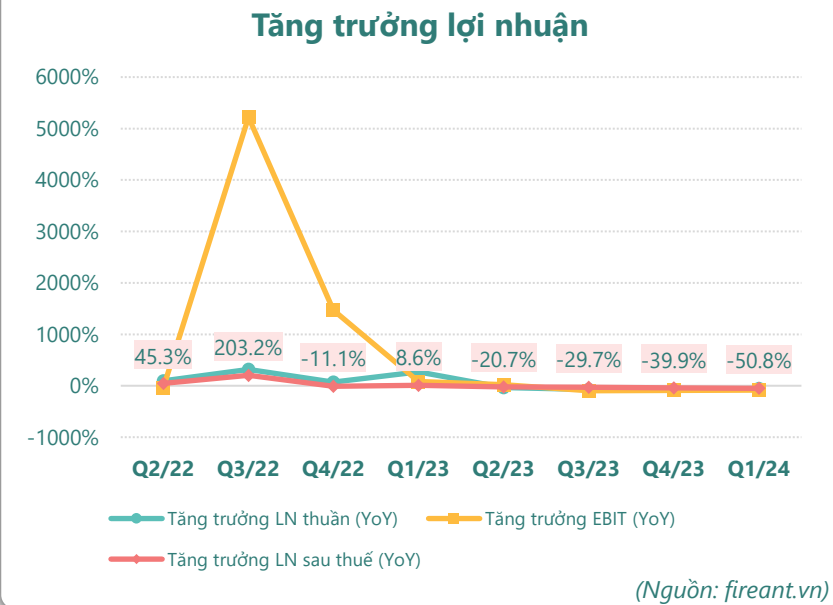
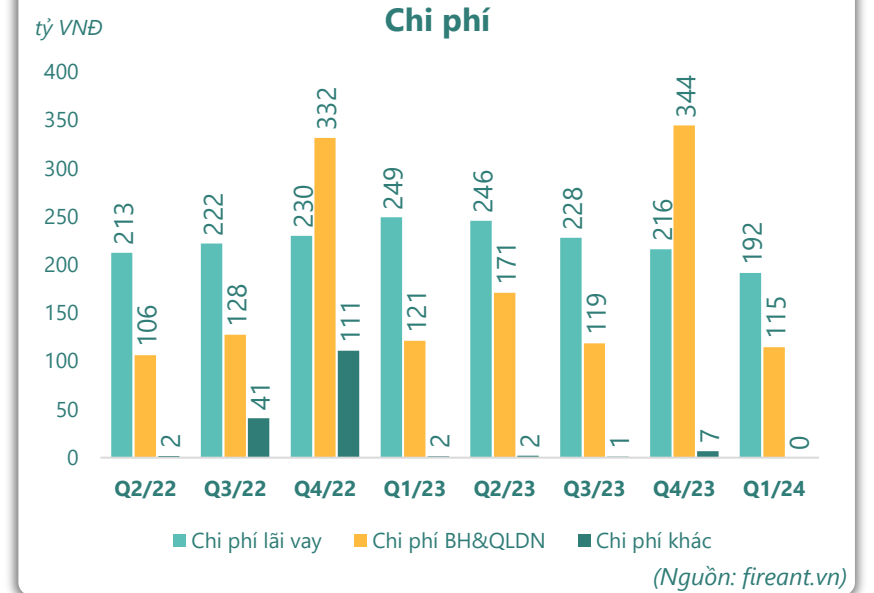
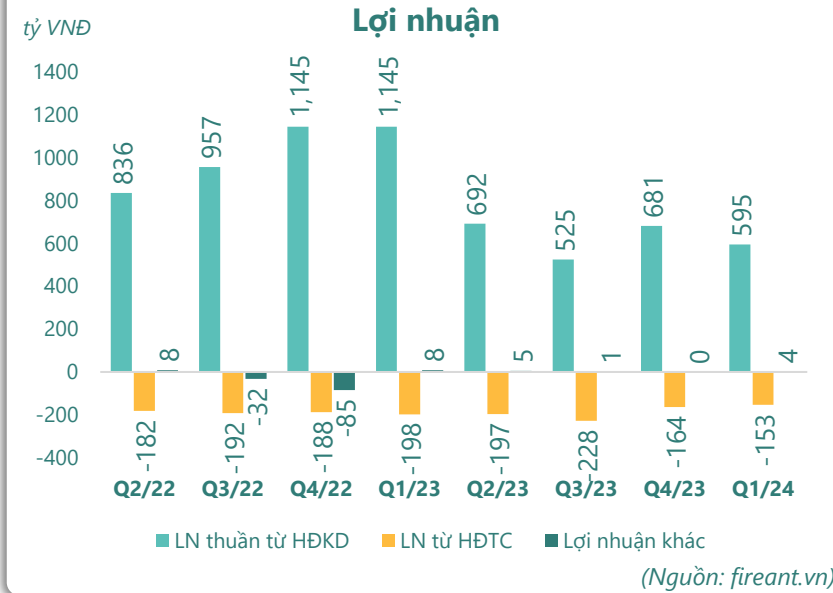
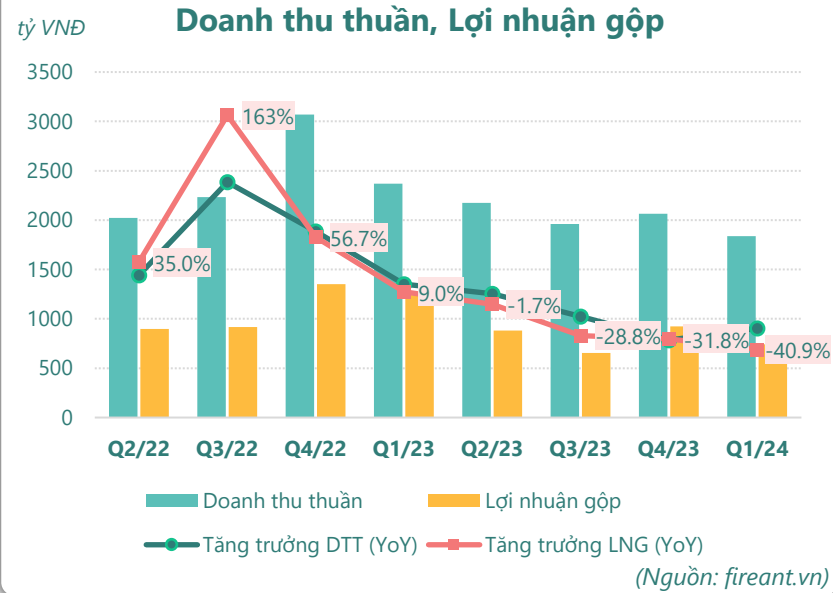
DT thuần 2023
8,570
tỷ VNĐ
YoY: ▼802 -8.6%

LN thuần 2023
3,042
tỷ VNĐ
YoY: ▼944 -23.7%

LN sau thuế 2023
2,787
tỷ VNĐ
YoY: ▼728 -20.7%



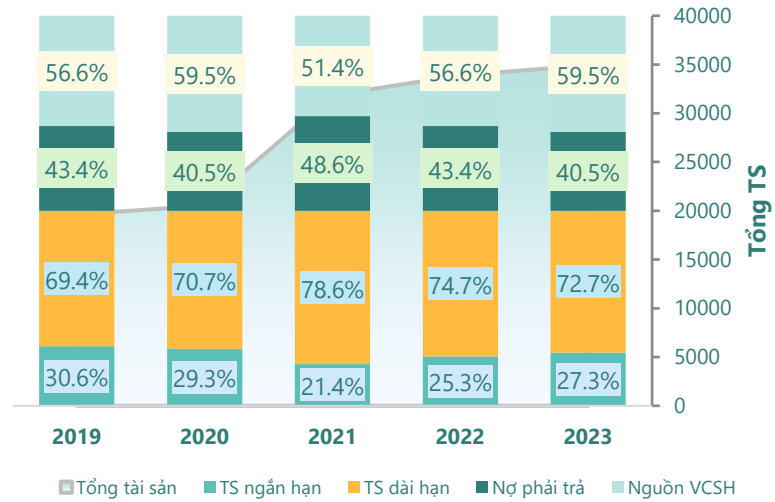
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

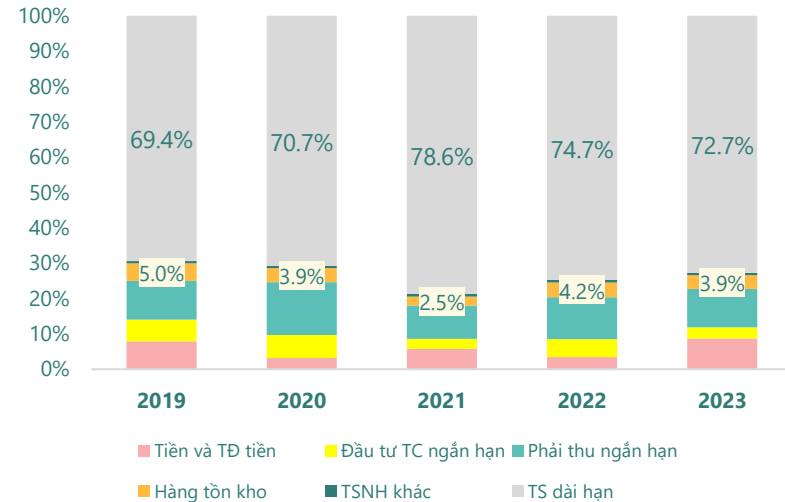
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

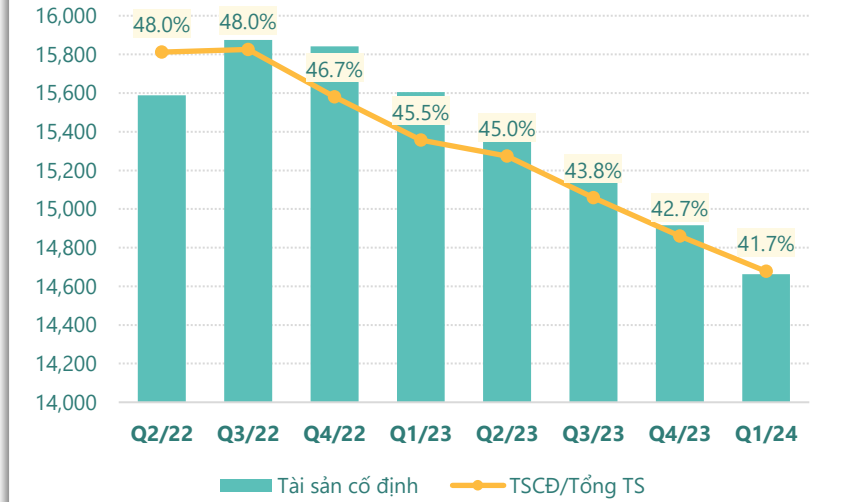
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

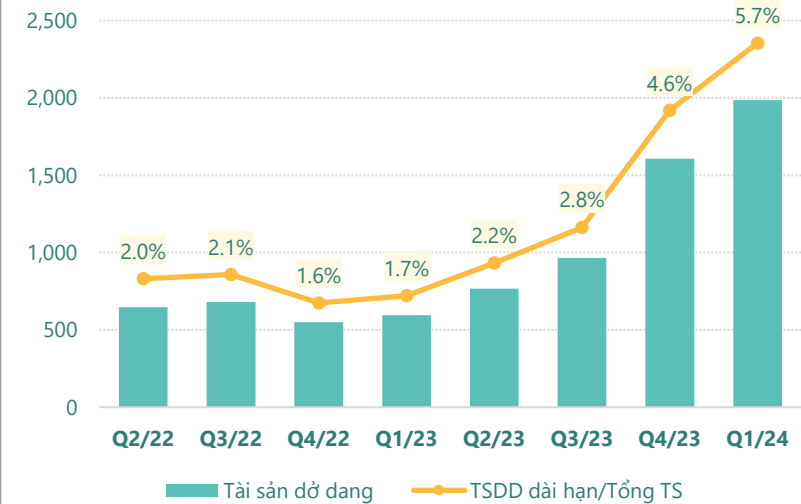
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

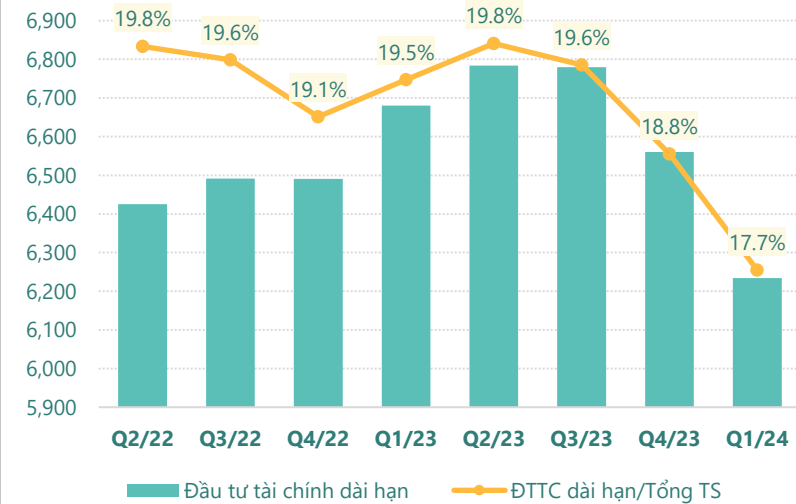
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

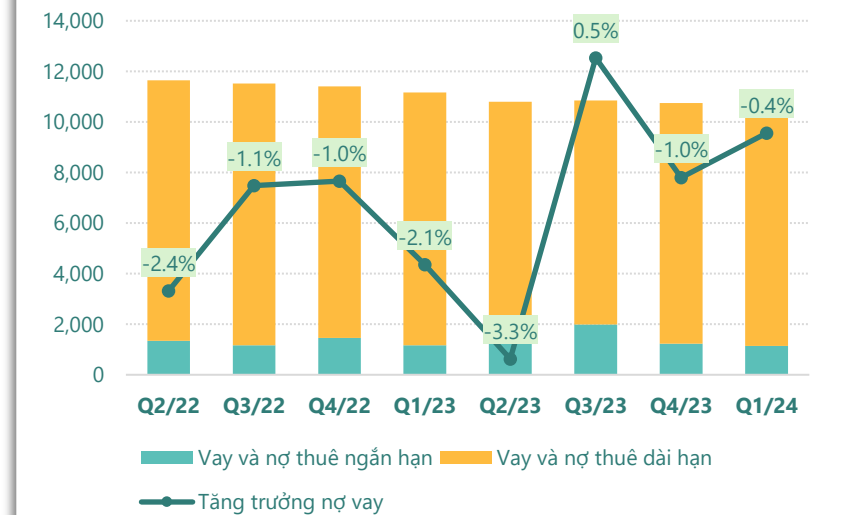
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

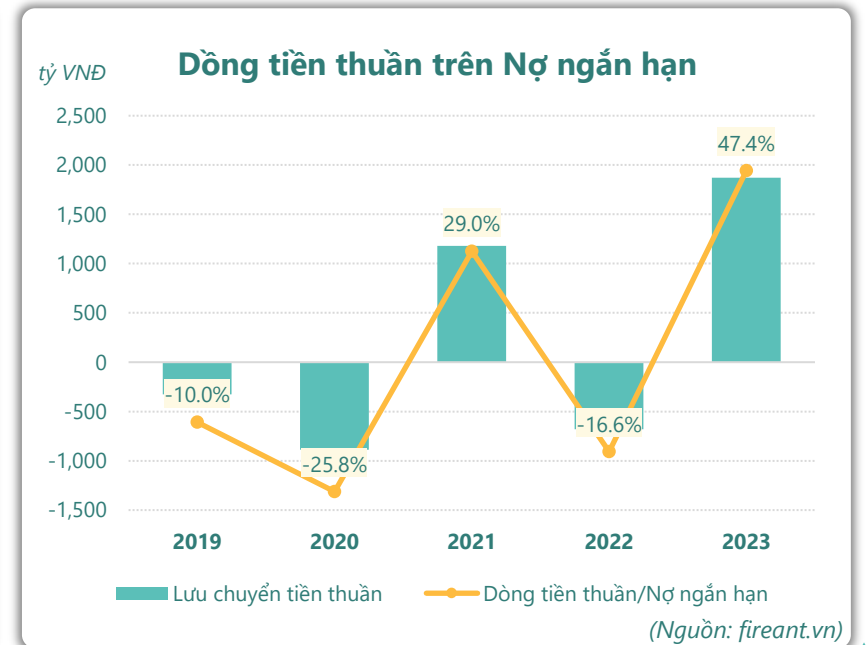
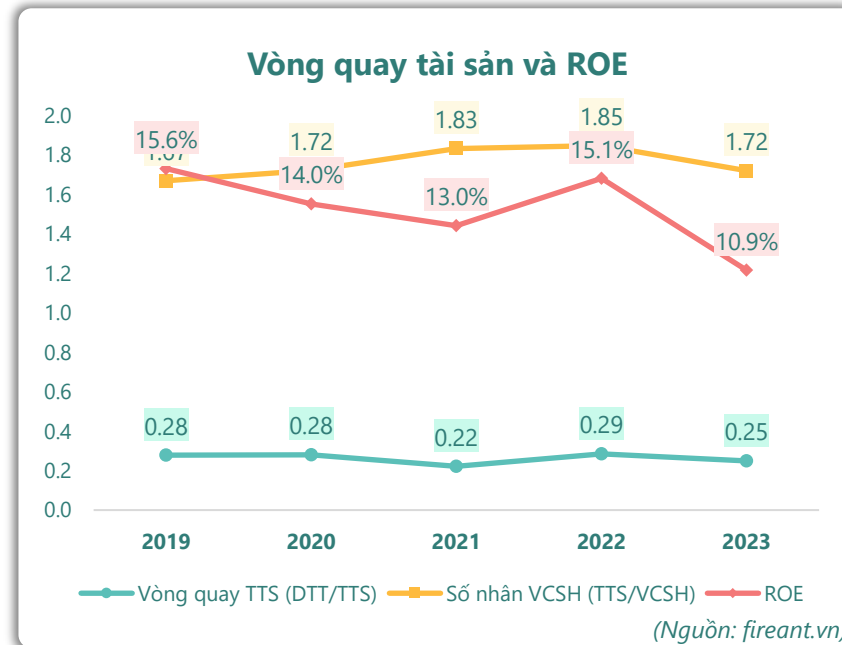
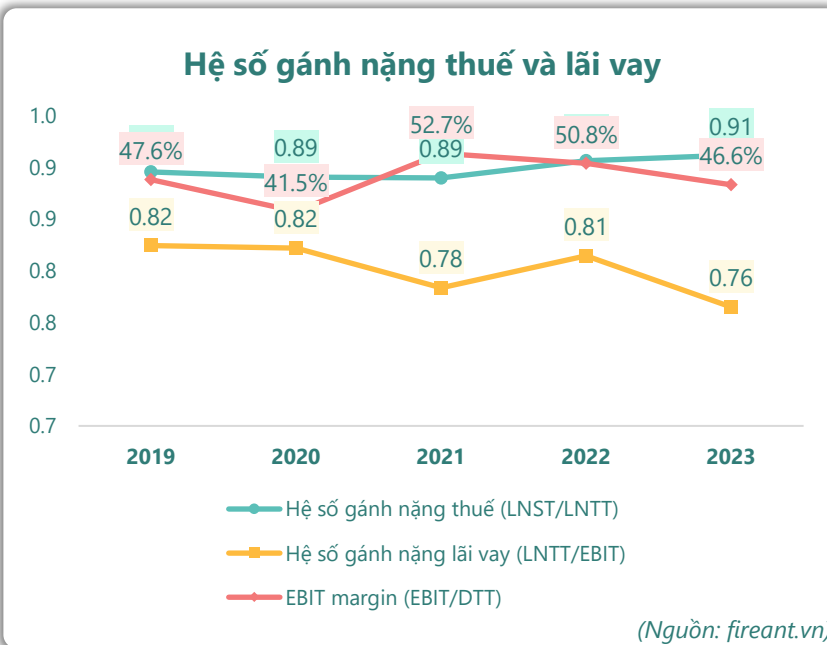
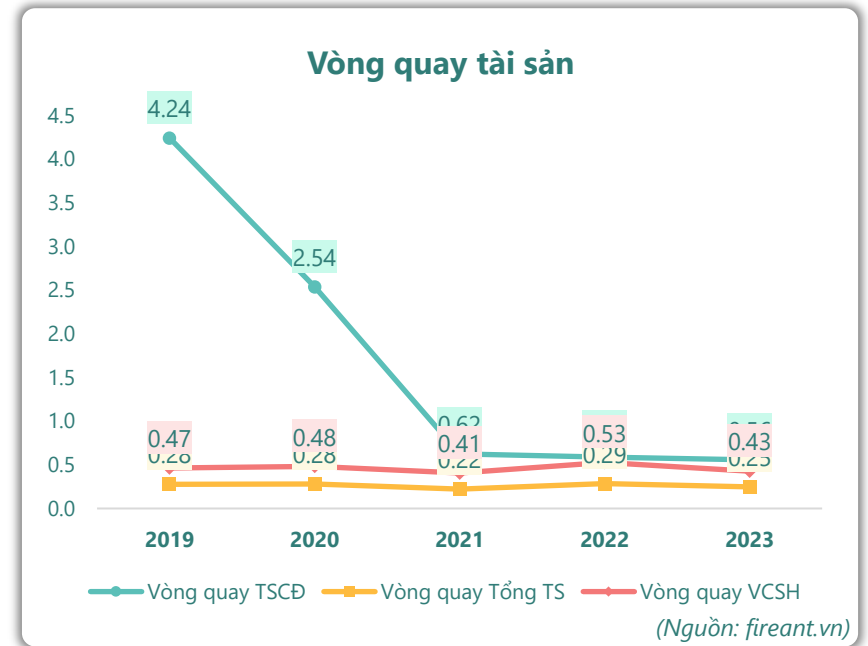
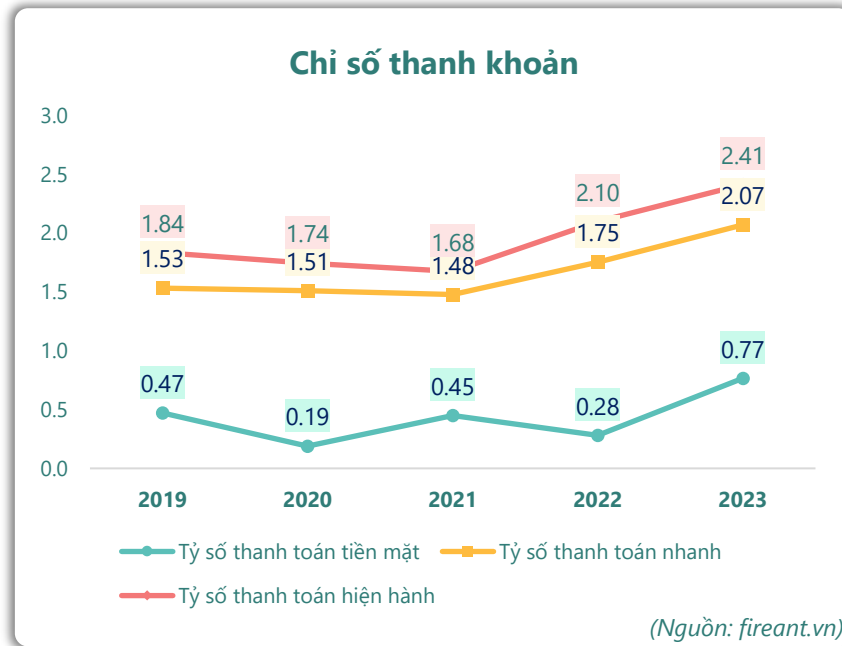
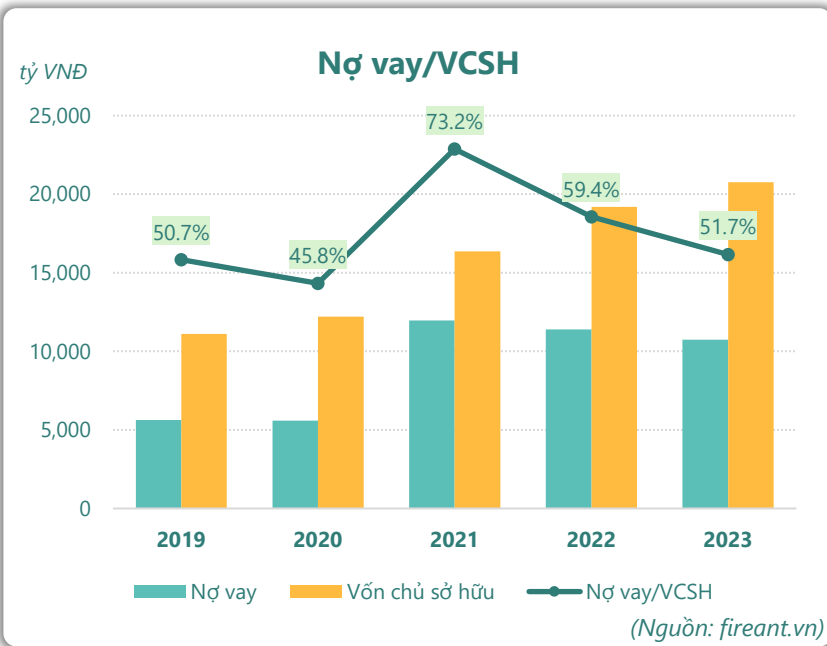
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,837	2,369	-22.4%	8,570	9,372	-8.6%
Giá vốn hàng bán	1,096	1,114	-1.6%	4,860	5,042	-3.6%
Lợi nhuận gộp	741	1,254	-40.9%	3,710	4,330	-14.3%
Doanh thu HĐTC	70.2	58.6	19.7%	227	187	21.6%
Chi phí TC	223	256	-12.8%	1,016	942	7.9%
Chi phí lãi vay	192	249	-23.0%	939	883	6.4%
LN trong công ty LKLD	121	209	-42.0%	877	1,077	-18.6%
Chi phí bán hàng	18.7	19.2	-2.4%	92.5	88.9	4.1%
Chi phí QLDN	96.0	102	-5.9%	663	578	14.8%
LN thuần từ HĐKD	595	1,145	-48.1%	3,042	3,986	-23.7%
Lợi nhuận khác	4.07	7.58	-46.4%	14.0	-107	113%
LN trước thuế	599	1,152	-48.0%	3,056	3,879	-21.2%
Lợi nhuận sau thuế	549	1,055	-48.0%	2,787	3,515	-20.7%
LNST của CĐ cty mẹ	480	745	-35.5%	2,188	2,693	-18.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-68.1	86.7	968	534	1,248	636
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	366	432	70.0	141	-19.6	-186
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-209	-275	-813	-211	-291	-153
Tiền đầu kỳ	1,062	1,151	1,396	1,620	2,085	3,023
Lưu chuyển tiền thuần	89.2	244	225	465	937	297
Ảnh hưởng tỷ giá	0.23	0.00	0.00	0.00	0.03	0.00
Tiền cuối kỳ	1,151	1,396	1,620	2,085	3,023	3,320

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	35,141	34,912	0.7%
Tài sản ngắn hạn	9,985	9,524	4.8%
Tiền và tương đương tiền	3,320	3,023	9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,260	1,132	11.2%
Phải thu ngắn hạn	3,761	3,780	-0.5%
Hàng tồn kho	1,409	1,354	4.0%
Tài sản ngắn hạn khác	237	235	0.6%
Tài sản dài hạn	25,155	25,388	-0.9%
Phải thu dài hạn	31.2	17.3	80.8%
Tài sản cố định	14,663	14,917	-1.7%
Bất động sản đầu tư	1,317	1,345	-2.1%
Tài sản dở dang	1,986	1,608	23.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	6,234	6,560	-5.0%
Tài sản dài hạn khác	428	428	0.2%
Lợi thế thương mại	495	513	-3.4%
Nợ phải trả	14,286	14,142	1.0%
Nợ ngắn hạn	4,014	3,945	1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,135	1,238	-8.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	642	619	3.8%
Nợ dài hạn	10,272	10,198	0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	9,562	9,505	0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	20,854	20,770	0.4%
Vốn chủ sở hữu	20,854	20,770	0.4%
Vốn điều lệ	4,097	4,097	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

